



BAKER TILLY

A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

2/10



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 30
8. Phụ lục	31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 (số cũ là 6103000065) ngày 12 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 88.815.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 VND lên 93.016.160.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 VND lên 114.967.970.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 114.967.970.000 VND

Số lượng cổ phần: 11.496.797 cổ phần
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Cổ đông đại diện vốn của Nhà nước	4.969.882	49.698.820.000	43,23
2. Cổ đông khác	6.526.915	65.269.150.000	56,77
Cộng	11.496.797	114.967.970.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (0780) 3.831.608
Fax : (0780) 3.832.297
E_mail : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimexseafood.com.vn
Mã số thuế : 2000103908

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2	khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4	224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5	999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	33/3 đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7 TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty con:

Công ty đã thành lập Công ty con tại Hoa Kỳ theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 195/BKH-ĐTRNN ngày 07 tháng 11 năm 2008 do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

- Tên công ty : Công ty cổ phần thực phẩm CMX (CMX Foods, INC)
- Địa chỉ: Hunglington Beach, 360 East Second Street, suite 703 Los Angeles, California 90012, USA
- Vốn đầu tư: 850.000 USD # 14.195.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 22.000.000.000 VND làm ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2010.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Nguyễn Thị Tuyết	Chủ tịch	30 tháng 06 năm 2009	-
2. Nguyễn An Ninh	Phó Chủ tịch	30 tháng 06 năm 2009	-
3. Hồ Văn Dòn	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2009	-
4. Nguyễn Thái Phương	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2009	17 tháng 05 năm 2010
5. Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2009	-
6. Tôn Thất Ái Quang	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2009	-
7. Lâm Dạ Vũ	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2009	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Đào Công Khanh	Trưởng ban	30 tháng 06 năm 2009	-
2. Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	30 tháng 06 năm 2009	-
3. Nguyễn Thảo Dân	Thành viên	30 tháng 06 năm 2009	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc	30 tháng 06 năm 2009	-
2. Nguyễn An Ninh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 06 năm 2009	-
3. Hồ Văn Dòn	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 06 năm 2009	-
4. Trần Quốc Phong	Kế toán trưởng	30 tháng 06 năm 2009	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN THỊ TUYẾT
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2010





Số: 0845/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 25 tháng 7 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2010



Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		682.531.876.222	632.633.931.176
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.422.426.781	45.909.674.525
1.	Tiền	111		27.622.426.781	45.909.674.525
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	23.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	23.000.000.000	23.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.148.121.109	87.560.597.579
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	118.843.438.710	72.172.209.189
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	33.354.558.525	13.084.582.626
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.950.123.874	2.303.805.764
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		389.845.569.774	310.336.652.632
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	389.845.569.774	332.336.652.632
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	(22.000.000.000)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		84.115.758.558	165.827.006.440
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	787.286.947	787.286.947
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.514.697.942	8.514.089.930
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		98.141.336	37.040.696
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	61.715.632.333	156.488.588.867

S210
 CÔNG
 CH NH
 IỂM
 TỬ
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.271.413.104	128.879.297.140
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		127.888.425.819	128.302.476.520
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	101.206.326.336	103.093.278.589
	<i>Nguyên giá</i>	222		197.121.948.861	194.541.006.680
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(95.915.622.525)	(91.447.728.091)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.207.321.367	1.347.017.051
	<i>Nguyên giá</i>	228		2.793.913.542	2.793.913.542
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.586.592.175)	(1.446.896.491)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	25.474.778.116	23.862.180.880
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		382.987.285	576.820.620
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	193.833.335
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	382.987.285	382.987.285
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		810.803.289.326	761.513.228.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		639.084.486.907	633.869.545.496
I. Nợ ngắn hạn		310		625.911.427.282	624.509.335.187
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	523.402.003.814	535.299.960.732
2. Phải trả người bán		312	V.15	57.798.061.634	41.928.279.932
3. Người mua trả tiền trước		313	V.16	787.845.555	819.875.876
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.17	6.975.981.704	1.272.569.226
5. Phải trả người lao động		315	V.18	3.463.395.244	3.542.862.186
6. Chi phí phải trả		316	V.19	4.447.154.952	4.777.232.916
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.20	22.338.074.783	26.399.946.381
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.21	6.698.909.596	10.468.607.938
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		13.173.059.625	9.360.210.309
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.22	13.173.059.625	9.204.059.625
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	156.150.684
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		171.718.802.419	127.643.682.820
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.23	171.718.802.419	127.643.682.820
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.23	114.967.970.000	114.967.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	V.23	11.441.102.931	(2.362.248.902)
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.23	1.484.114.927	1.484.114.927
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.23	43.825.614.561	13.553.846.795
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		810.803.289.326	761.513.228.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	629.801.487.829	520.376.624.642
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.411.081.183	5.288.693.225
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	627.390.406.646	515.087.931.417
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	551.657.753.475	452.101.095.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.732.653.171	62.986.836.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.625.181.742	1.548.030.856
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.377.042.884	20.166.870.358
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.916.757.382	8.472.934.873
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31.802.178.134	27.503.700.156
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.299.264.733	7.281.358.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.879.349.162	9.582.937.608
11. Thu nhập khác	31	VI.7	521.805.364	8.506.618.491
12. Chi phí khác	32	VI.8	639.089.379	5.580.312.670
13. Lợi nhuận khác	40		(117.284.015)	2.926.305.821
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.762.065.147	12.509.243.429
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.936.337.928	1.676.290.248
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.825.727.219</u>	<u>10.832.953.181</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.942</u>	<u>1.165</u>

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Trần Quốc Phong
Kế toán trưởng

Hồ Văn Dòn
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.762.065.147	12.509.243.429
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	4.579.988.196	4.213.359.918
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(22.000.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	629.498.021	7.972.460.577
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(1.077.300.000)	(2.672.914.645)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18.916.757.382	8.472.934.873
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.811.008.746	30.495.084.152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(83.306.509.628)	(8.492.803.056)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(57.508.917.142)	(33.539.424.775)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		14.873.454.145	7.430.499.326
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		193.833.335	(329.953.423)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, VI.4	(18.650.372.860)	(8.507.596.483)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(1.961.694.145)	(6.216.013.803)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		130.602.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(32.625.424.498)	(101.106.130.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(9.572.622.047)	(120.266.339.021)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(4.193.539.417)	(18.883.028.447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.172.925.505
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.077.300.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.116.239.417)	(10.710.102.942)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33 V.14, V.22	982.967.450.326 627.227.120.839
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.14	(981.406.438.933) (516.749.826.861)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.23	(5.003.917.154) -
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.442.905.761) 110.477.293.978
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.131.767.225) 9.371.163.019
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.909.674.525 39.643.438.875
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(355.480.519) (802.866.824)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.422.426.781 48.211.735.070

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Trần Quốc Phong
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 25 tháng 7 năm 2010

Hồ Văn Dòn
Phó Tổng Giám đốc

320
SỐN
H KHI
EM T
TƯ
SPH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.
4. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 22.000.000.000 VND làm ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2010.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Đã
TY
M HỮU
JAN V
JAN
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5
Tài sản cố định khác	4 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2006 là năm đầu tiên công ty hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày : 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

30/06/2010 : 18.544 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	215.293.348	126.776.484
Tiền gửi ngân hàng	27.407.133.433	45.782.898.041
Các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	-
Cộng	29.422.426.781	45.909.674.525

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2474

NG T
HIỆM H
I TOÁN
J VẢ

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Khách hàng trong nước</i>	<i>5.122.797.832</i>	<i>4.137.224.867</i>
Công ty TNHH Kim Hồng	484.972.986	143.688.683
Công ty TNHH thủy sản TCM	322.837.934	-
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	2.636.547.918	1.754.080.505
Công ty liên doanh hóa sinh Phương Duy	325.267.996	352.444.890
Công ty TNHH Nông Trại Biển	-	1.291.011.062
Công ty cổ phần thực phẩm Vạn Đức	174.630.330	-
Các khách hàng trong nước khác	1.178.540.668	595.999.727
<i>Khách hàng nước ngoài</i>	<i>113.720.640.878</i>	<i>68.034.984.322</i>
Mazzetta	21.355.122.048	7.354.590.012
Contessa	19.699.888.381	31.773.241.706
Ocean Bistro Corpration	7.586.164.960	-
Thalasa Seafoods NV	2.163.239.194	4.087.303.550
Star Food Products INC	-	2.495.180.457
Coop Cooperative	9.571.886.150	-
Hanwa American Corporation	3.824.143.680	-
Nordic Seafood	2.480.667.968	-
Wooil	4.865.619.226	-
Tai Foong	14.537.939.680	-
LanDauer Limited	4.717.030.400	3.358.537.259
DaiHo	1.773.300.412	-
Verwijs Import Export BV	-	1.116.845.191
Uhrenholt S.A.R.L	4.896.079.600	6.041.703.514
VoGue Seafood	2.168.513.107	839.025.218
Setraco NV	2.692.560.984	1.138.356.450
Metarex S.P.A	-	904.226.400
Klaas Puul	1.594.643.728	-
Các khách hàng nước ngoài khác	9.793.841.360	8.925.974.565
Cộng	<u>118.843.438.710</u>	<u>72.172.209.189</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp Thủy sản	7.589.807.649	7.589.807.649
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Thăng Uy	173.470.000	-
Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh Á Châu	2.355.136.960	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cà Mau	6.870.000.000	-
Hà Ngươn Khánh	2.217.500.000	2.217.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty TNHH Thông Thuận tại Ninh Thuận	-	369.679.593
John Bean Technologies Singapore Pte Ltd	2.135.052.000	-
Hiệp hội chế biến & xuất khẩu thủy sản Việt Nam	1.192.532.875	782.605.912
Công ty cổ phần Nam Việt	140.081.026	211.001.443
Công ty TNHH máy và thiết bị Á Châu	3.132.451.900	-
Polistamp System SRL	3.969.517.647	-
Công ty TNHH Năm Dững	303.083.800	-
Trạm sinh thái	150.000.000	409.513.680
Trung tâm xúc tiến thương mại Cà Mau	1.103.462.169	311.139.569
Các nhà cung cấp khác	2.022.462.499	1.193.334.780
Cộng	33.354.558.525	13.084.582.626

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ phải thu	3.121.210.683	719.716.667
Công ty TNHH MTV kỹ nghệ lạnh Á Châu	209.647.640	-
Bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	235.312.092	157.760.790
Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long	183.892.000	186.611.000
Chi hộ Ban quản lý Dự án xử lý nước thải	87.490.215	1.147.291.589
Các khoản phải thu khác	112.571.244	92.425.718
Cộng	3.950.123.874	2.303.805.764

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.034.487.550	7.029.463.376
Công cụ, dụng cụ	923.862.726	404.405.987
Thành phẩm (*)	377.872.530.058	324.880.666.112
Hàng hóa	14.689.440	22.117.157
Cộng	389.845.569.774	332.336.652.632

(*) Thành phẩm trong kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	22.000.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(22.000.000.000)
Số cuối kỳ	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí thành lập Công ty con ở Hoa Kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	4.153.561.158	1.091.836.535
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.930.071.175	1.104.152.332
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	55.632.000.000	154.292.600.000
Cộng	61.715.632.333	156.488.588.867

(*) Số dư cuối kỳ là các khoản ký quỹ bằng ngoại tệ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Cái Khế để đảm bảo cho Hợp đồng mua bán ngoại tệ ký hạn.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.650.327.447	125.732.411.187	3.543.167.510	2.356.489.815	1.258.610.721	194.541.006.680
Mua sắm mới	-	262.638.090	1.745.818.496	512.028.824	-	2.520.485.410
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	31.639.971	-	28.816.800	-	60.456.771
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	61.650.327.447	126.026.689.248	5.288.986.006	2.897.335.439	1.258.610.721	197.121.948.861
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.541.210.641	12.451.754.473	-	647.982.867	-	15.925.009.550
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	27.114.264.940	61.154.410.832	1.096.081.927	1.314.817.139	768.153.253	91.447.728.091
Khấu hao trong kỳ (*)	1.324.862.978	2.853.352.128	125.257.804	130.688.428	33.733.096	4.467.894.434
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	28.439.127.918	64.007.762.960	1.221.339.731	1.445.505.567	801.886.349	95.915.622.525

Giá trị còn lại

Số đầu năm	34.536.062.507	64.578.000.355	2.447.085.583	1.041.672.676	490.457.468	103.093.278.589
Số cuối kỳ	33.211.199.529	62.018.926.288	4.067.646.275	1.451.829.872	456.724.372	101.206.326.336

Trong đó:

Tạm thời chưa sử
dụng

Đang chờ thanh
lý

(*) Trong đó chi phí khấu hao của tài sản cố định phúc lợi là 27.601.922 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.793.913.542	1.446.896.491	1.347.017.051
Tăng trong kỳ	-	139.695.684	
Giảm trong kỳ	-	-	
Số cuối kỳ	<u>2.793.913.542</u>	<u>1.586.592.175</u>	<u>1.207.321.367</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ (*)	23.862.180.880	1.673.054.007	(60.456.771)	25.474.778.116
XDCB dở dang	-	-	-	-
Cộng	<u>23.862.180.880</u>	<u>1.673.054.007</u>	<u>(60.456.771)</u>	<u>25.474.778.116</u>

(*) Số dư cuối kỳ chủ yếu là chi phí giải tỏa, san lấp mặt bằng Dự án Nhà máy cá ở Hậu Giang từ năm 2007 và dự án nuôi tôm ở Kiên Giang với số tiền lần lượt là 23.795.850.000 VND và 1.197.372.000 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	498.218.112.768	504.795.567.707
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (a)	136.520.928.000	193.519.664.557
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	9.397.003.150
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (b)	27.185.504.000	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (c)	43.355.872.000	11.100.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) (d)	90.865.600.000	75.800.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Cái Khế (e)	81.251.075.968	89.446.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cà Mau (f)	71.694.812.800	125.532.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (g)	47.344.320.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.22)	25.183.891.046	30.504.393.025
Cộng	<u>523.402.003.814</u>	<u>535.299.960.732</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa trong kho và tổng các khoản nợ phải thu trị giá 2.500.000 USD.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để thu mua tôm nguyên liệu. Khoản vay được đảm bảo bằng bộ chứng từ xuất khẩu thanh toán qua Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Cái Khế để thu mua tôm nguyên liệu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và các số tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Cái Khế.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau để thu mua tôm nguyên liệu.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.723.780.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	504.795.567.707	978.998.450.326	(975.456.438.933)	(10.119.466.332)	498.218.112.768
Vay dài hạn đến hạn trả	30.504.393.025	-	(5.950.000.000)	629.498.021	25.183.891.046
Cộng	535.299.960.732	978.998.450.326	(981.406.438.933)	(9.489.968.311)	523.402.003.814

15. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến	689.315.950	526.533.700
Công ty lâm nghiệp Ngọc Hiến	31.868.188.337	19.618.205.640
Công ty TNHH thương mại Tô Thanh Hiền	339.302.669	723.977.090
Công ty bao bì xuất khẩu và thương mại Vạn Thành	219.343.780	493.754.102
Công ty TNHH An Xuyên	235.512.600	2.396.468.837
CSKD Thanh Sơn	3.149.389.844	1.087.915.547
Công ty cổ phần quốc tế logistic Hoàng Hà	428.869.670	914.289.918
DNTN Kiều Diễm	273.647.819	502.580.442
DNTN Chín Bắp	676.666.490	-
DNTN Trần Thị Thanh An	253.146.813	145.713.482
DNTN Huỳnh Thúy	553.141.025	-
Công ty TNHH Box Pak (Việt Nam)	514.447.362	522.785.341
Công ty TNHH APL – NOL Việt Nam	554.222.720	193.366.582
Công ty cổ phần thương nghiệp Cà Mau	785.009.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Thanh Tân	674.411.879	-
Công ty TNHH Hóa Gia Khang	137.500.000	541.750.000
Xí nghiệp In & bao bì Duy Nhật	842.950.542	685.909.430
Công ty OOCL Việt Nam	954.145.420	-
Công ty liên doanh Yangming Việt Nam	229.719.760	688.473.300
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tân Thuận Thành	822.478.910	598.785.330
DNTN Kim Vân	-	1.525.042.212
DNTN Ngụy Minh Hiếu	4.922.356.873	4.632.050.721
Các nhà cung cấp khác	8.674.293.671	6.130.678.258
Cộng	<u>57.798.061.634</u>	<u>41.928.279.932</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Setraco NV	15.698.650	-
Công ty Pacific	740.992.000	740.992.000
Công ty TNHH Duy Linh	-	72.010.000
Các khách hàng khác	31.154.905	6.873.876
Cộng	<u>787.845.555</u>	<u>819.875.876</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	528.674.404	(532.204.804)	(3.530.400)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(37.040.696)	454.000	(58.024.240)	(94.610.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	1.097.225.713	7.490.297.381	(1.961.694.145)	6.625.828.949
Thuế thu nhập cá nhân	175.343.513	554.939.296	(464.350.891)	265.931.918
Tiền thuê đất, thuế đất	-	115.608.758	(115.608.758)	-
Các loại thuế, phí khác	-	97.220.837	(13.000.000)	84.220.837
Cộng	<u>1.235.528.530</u>	<u>8.787.194.676</u>	<u>(3.144.882.838)</u>	<u>6.877.840.368</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

(**) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: 3.936.337.928
- Trích bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008: 5.660.888.032
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009: (2.106.928.579)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước 5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước 10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản 10%
- Các dịch vụ khác 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Năm 2010 là năm thứ năm Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Tuy nhiên, Công ty không được hưởng ưu đãi đối với các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.762.065.147	12.509.243.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	892.896.561	9.894.528
- Các khoản điều chỉnh giảm	(22.000.000.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.654.961.708	12.519.137.957
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	1.516.016.658	9.689.961.605
- Thu nhập khác	15.138.945.050	2.829.176.352
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh	20%	20%
- Đối với thu nhập khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	4.087.939.594	2.645.286.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(151.601.666)	(968.996.161)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.936.337.928	1.676.290.248

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo qui định đối với :

- Diện tích đất thuê làm Văn phòng công ty và Xí nghiệp chế biến số 4: 18.135 m² tại phường 8, TP. Cà Mau.
- Diện tích đất thuê làm Xí nghiệp chế biến số 2: 8.378 m² tại phường 8, TP. Cà Mau.
- Diện tích đất thuê làm Văn phòng đại diện và kho lạnh tại TP. Hồ Chí Minh: 2.426 m² tại phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương	2.416.438.662	3.250.388.482
Các khoản khác	1.046.956.582	292.473.704
Cộng	3.463.395.244	3.542.862.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	997.474.448	731.089.926
Tiền phụ cấp	344.689.486	357.783.896
Chi phí bán hàng	3.050.702.132	3.130.174.388
Chi phí quản lý	54.288.886	558.184.706
Cộng	4.447.154.952	4.777.232.916

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.495.248.962	639.400.417
Kinh phí công đoàn	2.297.366.584	1.941.579.903
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.943.112.380	15.947.029.534
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	360.341.612	2.832.609.124
Tài sản thừa chờ xử lý	3.089.170.939	1.116.077.082
Kinh phí hoạt động của Đảng	206.772.374	242.742.374
Phải trả khác	3.946.061.932	3.680.507.947
Cộng	22.338.074.783	26.399.946.381

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.522.006.382	-	-	(1.721.406.750)	1.800.599.632
Quỹ phúc lợi	3.322.616.855	-	-	(799.219.670)	2.523.397.185
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	769.989.229	-	-	(27.601.922)	742.387.307
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.853.995.472	-	-	(1.221.470.000)	1.632.525.472
Cộng	10.468.607.938	-	-	(3.769.698.342)	6.698.909.596

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, thế chấp tài sản là biện pháp bổ sung.

Kỳ hạn thanh toán nợ vay dài hạn như sau:

Từ 1 năm trở xuống	25.183.891.046
Trên 1 năm đến 5 năm	13.173.059.625
Tổng nợ	38.356.950.671

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	9.204.059.625
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.969.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Chênh lệch tỷ giá	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	13.173.059.625

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 31.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	49.698.820.000	49.698.820.000
Vốn góp của các cổ đông khác	65.269.150.000	65.269.150.000
Cộng	<u>114.967.970.000</u>	<u>114.967.970.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Trả cổ tức năm trước	5.003.917.154
Tạm ứng cổ tức kỳ này	-
Cộng	<u>5.003.917.154</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.496.797	11.496.797
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.496.797	11.496.797
- Cổ phiếu phổ thông	11.496.797	11.496.797
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.496.797	11.496.797
- Cổ phiếu phổ thông	11.496.797	11.496.797
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	629.801.487.829	520.376.624.642
- Doanh thu bán hàng hóa	9.867.673.640	19.795.205.245
- Doanh thu bán thành phẩm	617.064.920.886	497.309.263.270
- Doanh thu bán phụ phẩm	2.868.893.303	3.272.156.127
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.411.081.183)	(5.288.693.225)
- Chiết khấu thương mại	(278.742.335)	(367.001.959)
- Giảm giá hàng bán	(1.715.095.708)	(577.085.694)
- Hàng bán bị trả lại	(417.243.140)	(4.344.605.572)
Doanh thu thuần	627.390.406.646	515.087.931.417

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.889.193.261	11.271.779.025
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	546.768.560.214	440.829.316.295
Cộng	551.657.753.475	452.101.095.320

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	677.316.841.699	531.040.890.711
Chi nhân công trực tiếp	14.407.036.696	15.772.427.663
Chi phí sản xuất chung	40.067.187.126	32.864.509.477
Tổng chi phí sản xuất	731.791.065.521	579.677.827.851
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	731.791.065.521	579.677.827.851
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu năm	324.880.666.112	223.822.750.260
Cộng: Thành phẩm nhập khác	100.308.600	270.959.730
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	377.872.530.058	(256.564.654.650)
Trừ: Thành phẩm xuất khác	120.468.952.615	(112.114.757.337)
Giá vốn thành phẩm sản xuất	558.430.557.560	435.092.125.854
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.000.000.000)	-
Giá vốn tôm sinh thái	10.338.002.654	5.737.190.441
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	546.768.560.214	440.829.316.295

USE
CÔNG
CHÍNH
LIÊN
TỰ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	136.455.359	570.398.776
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.077.300.000	-
Lãi ký quỹ, ký cược	5.334.001.195	-
Lãi công trái	-	977.632.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.077.425.188	-
Cộng	26.625.181.742	1.548.030.856

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.916.757.382	8.472.934.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.830.787.481	3.721.474.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	629.498.021	7.972.460.577
Cộng	24.377.042.884	20.166.870.358

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.267.154.456	1.037.707.513
Chi phí vật liệu, bao bì	378.775.264	401.212.122
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.391.752	24.269.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.352.813	258.678.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.188.967.074	23.381.530.510
Chi phí khác	2.620.536.775	2.400.302.627
Cộng	31.802.178.134	27.503.700.156

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	4.043.464.541	3.361.540.362
Chi phí vật liệu quản lý	136.343.495	14.575.070
Chi phí đồ dùng văn phòng	203.931.432	120.443.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.389.718	146.283.832
Thuế, phí và lệ phí	102.764.213	17.482.516
Chi phí trợ cấp mất việc làm	589.614.735	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.009.083.672	2.020.271.225
Chi phí khác	2.067.672.927	1.600.762.260
Cộng	8.299.264.733	7.281.358.831

7.338
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÀ MAU
VĂN
5 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	256.584.414
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	7.916.341.091
Thu nhượng bán phế liệu	319.136.552	228.163.560
Thu nhập khác	202.668.812	105.529.426
Cộng	521.805.364	8.506.618.491

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	412.846.121
Giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng	-	5.087.164.739
Chi phí bồi thường hàng xuất khẩu	-	44.502.500
Thuế phạt, bị truy thu	537.734.391	-
Chi phí khác	101.354.988	35.799.310
Cộng	639.089.379	5.580.312.670

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.825.727.219	10.832.953.181
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.825.727.219	10.832.953.181
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.496.797	9.301.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.942	1.165

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	703.001.680.395	550.340.489.283
Chi phí nhân công	24.110.307.043	24.139.147.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.579.988.196	4.213.359.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.254.643.568	31.026.655.292
Chi phí khác	5.945.889.186	4.581.039.538
Cộng	771.892.508.388	614.300.691.529



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	582.470.462	543.974.273
Tiền thưởng, phụ cấp	90.000.000	121.500.000
Cộng	672.470.462	665.474.273

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ảnh hưởng của vấn đề này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
A. Nợ phải trả	300	623.400.937.558	633.869.545.496
I. Nợ ngắn hạn	310	614.040.727.249	624.509.335.187
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	10.468.607.938
II. Nợ dài hạn	330	9.360.210.309	9.360.210.309
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	138.112.290.758	127.643.682.820
I. Vốn chủ sở hữu	410	130.497.678.292	127.643.682.820
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	2.853.995.472	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	7.614.612.466	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	7.614.612.466	-



Cà Mau, ngày 25 tháng 07 năm 2010

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Trần Quốc Phong
Kế toán trưởng



Hồ Văn Dòn
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	93.016.160.000	21.967.454.376	-	13.553.846.795	128.537.461.171
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	21.951.810.000	(21.951.810.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.369.411.010	29.369.411.010
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.468.470.551	-	(7.489.199.808)	(6.020.729.257)
Đánh giá tỷ giá cuối năm	-	-	(2.362.248.902)	(21.880.211.202)	(2.362.248.902)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(21.880.211.202)
Số dư cuối năm trước	114.967.970.000	1.484.114.927	(2.362.248.902)	13.553.846.795	127.643.682.820
Số dư đầu năm nay	114.967.970.000	1.484.114.927	(2.362.248.902)	13.553.846.795	127.643.682.820
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.825.727.219	33.825.727.219
Đánh giá tỷ giá cuối kỳ	-	-	13.803.351.833	-	13.803.351.833
Truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008	-	-	-	(5.660.888.032)	(5.660.888.032)
Điều chỉnh Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009	-	-	-	2.106.928.579	2.106.928.579
Số dư cuối kỳ	114.967.970.000	1.484.114.927	11.441.102.931	43.825.614.561	171.718.802.419



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Trần Quốc Phong
Kế toán trưởng



Hồ Văn Dòn
Phó Tổng Giám đốc





Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City
Website : www.a-c.com.vn

Tel: (84-8) 38 272 295 - Fax: (84-8) 38 272 300
Tel: (84-4) 37 367 879 - Fax: (84-4) 37 367 869
Tel: (84-58) 3 876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Tel: (84-710) 3 764 995 - Fax: (84-710) 3 764 996